

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HC-ST
Ngày 23-12-2021
Vv khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cù Thị Lan và ông Lê Đình Hoan.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 51/2021/TBTL-HC ngày 10/5/2021, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐST-HC ngày 10/11/2021, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; địa chỉ: 128/36 Nguyễn Chí T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Ông Năm có mặt, bà Ý vắng mặt).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ: 01 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Văn T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn B; cùng địa chỉ: 128/36 Nguyễn Chí T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn B: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: 128/36 Nguyễn Chí T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:**

Năm 1996, gia đình ông N, bà Y nhận khoán chăm sóc 02 lô cà phê của Nông trường 11/3 (sau này là Công ty TNHH MTV cà phê B), tổng diện tích đo đạc thực tế là 6.738,3m², thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, tại phường A, thành phố B.

Năm 2012, gia đình ông N , bà Y ký lại hợp đồng nhận khoán với Công ty TNHH MTV cà phê B, thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, gia đình ông N , bà Y thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế, nộp sản cho Công ty.

Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B (giáp đường Vành đai phía tây Đại học B 5,4ha). Gia đình ông N , bà Y chỉ nhận được số tiền bồi thường về tài sản trên đất là 423.405.077 đồng.

Ngày 09/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B (giáp đường Vành đai phía tây Đại học B 5,4ha). Gia đình ông N , bà Y chỉ nhận được số tiền bồi thường là 45.264.150 đồng. Nội dung hai quyết định trên không có việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất đối với hộ gia đình ông N , bà Y.

Vì vậy, ông N , bà Y khởi kiện:

- Yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”; hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông N , bà Y.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:**

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.138.059m² đất tại các xã phường: T, N, L, A, P, H và xã E, thành phố B. Trong đó giao diện tích 897.744,7m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-UBND, ngày 11/6/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây Đại học B, 5,4ha).

Ngày 20/12/2020, UBND thành phố B ban hành Kế hoạch số 199/KH-UBND, thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B.

Ngày 03/01/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B phối hợp với UBND, UBNDTTQ VN A, tổ dân phố 8, Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng

thành phố và các hộ dân có hợp đồng nhận khoán với Công ty TNHH MTV cà phê B, tiến hành hợp thông qua chủ trương, chính sách và triển khai nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Ngày 27/3/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường A, tổ dân phố 8 tiến hành niêm yết công khai phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường A.

Ngày 16/4/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường A, tổ dân phố 8, tiến hành tổng hợp ý kiến của hộ dân sau khi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường A.

Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây Đại học B, 5,4ha).

Ngày 25/6/2020, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4341/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 09/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định 4801/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây Đại học B, 5,4ha).

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Y, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc đất:

Đất của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y sử dụng theo hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B, theo Hợp đồng số 37Đ3/2012/HĐ, ngày 29/3/2012 với diện tích là 2.798m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/3/2012 đến 31/12/2020 và Hợp đồng số 110/Đ3HĐKT, ngày 01/8/2011 với diện tích 3.627m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/8/2011 đến 31/12/2020, tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 65, phường A, thành phố B.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai 2013: “*Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:...Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối...*” Đất ông N, bà Y sử dụng là đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê B nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định.

Về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc*

được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”.

Hiện nay Công ty TNHH MTV cà phê B đã giải thể, tại Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B nên Hợp đồng kinh tế về việc giao khoán sản xuất cà phê không còn hiệu lực, vì vậy không đủ điều kiện để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Đối với đất nông nghiệp:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì *“Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi tính theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”.*

Tại Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4ha), thì ông N, bà Y đã được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại với số tiền 45.261.150 đồng là đúng quy định.

Về tài sản vật kiến trúc:

Căn cứ khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì *“Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại”.* Do đó, đối với tài sản vật kiến trúc của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Y đã được thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Về việc bồi thường các loại cây trồng:

Căn cứ khoản 3 Điều 5 Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định: *“Đối với trường hợp cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh, cây trồng bị ảnh hưởng do thi công các công trình theo tuyến (công trình giao thông, hành lang lưới điện không thu hồi đất...) được tính hỗ trợ tối đa bằng 60% đơn giá bồi thường quy định tại Quyết định này đối với cây trồng cùng loại, cây trồng tương đương”.* Do đó, cây trồng chính, trồng xen canh vượt mật độ được hỗ trợ 60% đơn giá bồi thường theo quy định.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”.* Việc hộ ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Y trồng các loại cây sau năm 2017, sau thời điểm UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

- Tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã triệu tập hợp lệ người bị kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N , bà Nguyễn Thị Y về việc: Hủy một phần quyết định số Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B; Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông Nguyễn Văn N , bà Nguyễn Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”, hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B Thuật “Về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”. Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông N , bà Y, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, xét thấy Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.2.] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông N , bà Y yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B. Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định sản xuất.

[2.2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N , bà Y về việc buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhận thấy:

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thì khi bị thu hồi đất, người sử dụng đất được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp; theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Quyết định số 39/QĐ – UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phù hợp với quy định của pháp luật. Việc người bị kiện cho rằng hiện nay Công ty TNHH MTV cà phê B đã giải thể nên khi ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, UBND thành phố B nên không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho những nhân khẩu trong hộ ông N , bà Y thuộc đối tượng được hỗ trợ là không đúng quy định pháp luật.

[2.2.2] Đối với việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi thu hồi đất: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn N , bà Nguyễn Thị Y hiện đang sử dụng diện tích đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê B, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích này, theo quy định điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 17 Quyết định số 39/QĐ – UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì hộ ông N , bà Y thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất. Tuy nhiên, khi thu hồi đất của gia đình ông Năm, bà Ý, Ủy ban nhân dân thành phố B đã không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho gia đình ông N , bà Y là không đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”; và Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 “Về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”; đối với gia đình ông Năm, bà Ý nhưng không phê duyệt phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho gia đình ông N , bà Y là không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y về việc: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”; Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”; buộc Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y là có cơ sở.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 60AA/2021/0006775, ngày 05/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Áp dụng Điều 69; Điều 74; Điều 75; điểm đ khoản 1 Điều 76; điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013. Áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Áp dụng Thông tư số 37/2014/BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y:

Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”; Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường A, thành phố B”. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương

án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông Nguyễn Văn N , bà Nguyễn Thị Y theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí:.

[3.1] Ông Nguyễn Văn N , bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Y được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 60AA/2021/ 0006775, ngày 05/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA DS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đinh Thị Tuyết